**Phụ lục**

**THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN THANH NIÊN TRONG NĂM 2024**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | ĐVT | Chỉ tiêu năm 2024 |
| **I** | **Mục tiêu 1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; cung cấp thông tin về tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho thanh niên** |  |  |  |  |
| 1 | Tỷ lệ thanh niên trong lực lượng vũ trang được tuyên truyền, phổ biến, học tập nghị quyết của các cấp ủy Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước | Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 100 |
| Tỷ lệ thanh niên là cán bộ, công chức, viên chức được tuyên truyền, phổ biến, học tập nghị quyết của các cấp ủy Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước | Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố |  | % | 100 |
| 2 | Tỷ lệ thanh niên là học sinh, sinh viên được trang bị kiến thức về quốc phòng và an ninh | Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | % | 100 |
| Tỷ lệ thanh niên công nhân được trang bị kiến thức về quốc phòng và an ninh | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 80 |
| Tỷ lệ thanh niên nông thôn, thanh niên vùng dân tộc thiểu số được trang bị kiến thức về quốc phòng và an ninh | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố |  | 75 |
| 3 | Tỷ lệ thanh niên được tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật thông qua các ứng dụng pháp luật trực tuyến, mạng xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng | Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố |  | % | 75 |
| **II** | **Mục tiêu 2. Giáo dục, nâng cao kiến thức, kỹ năng; tạo điều kiện để thanh niên bình đẳng về cơ hội học tập, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo** |  |  |  |  |
| 1 | Tỷ lệ thanh niên là học sinh, sinh viên được giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật, kỹ năng sống và kỹ năng mềm | Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng, Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 100 |
| 2 | Tỷ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ trung học phổ thông và tương đương | Sở Giáo dục và Đào tạo | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 80 |
| Tỷ thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trong độ tuổi đạt trình độ trung học cơ sở | Sở Giáo dục và Đào tạo | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 70 |
| 3 | Phấn đấu tăng 15% số thanh niên được ứng dụng, triển khai ý tưởng sáng tạo, công trình nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất và đời sống; tăng 15% số công trình khoa học và công nghệ do thanh niên chủ trì; tăng 10% số thanh niên làm việc trong các tổ chức khoa học, công nghệ (so với năm 2020) | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 15 |
| 4 | Tỷ lệ thanh niên làm báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật là người dân tộc thiểu số và tham gia công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ phổ biến giáo dục pháp luật | Sở Tư pháp | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 20 |
| **III** | **Mục tiêu 3. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề và tạo việc làm bền vững cho thanh niên; phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao** |  |  |  |  |
| 1 | Tỷ lệ học sinh trong các cơ sở giáo dục được giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp trước khi tốt nghiệp | Sở Giáo dục và Đào tạo | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 100 |
| Tỷ lệ sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp trước khi tốt nghiệp | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng, Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 100 |
| Tỷ lệ sinh viên các trường cao đẳng được trang bị kiến thức về hội nhập quốc tế và chuyển đổi số | Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng, Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng |  | % | 100 |
| 2 | Tỷ lệ ý tưởng, dự án khởi nghiệp của thanh niên là học sinh, sinh viên được kết nối với các doanh nghiệp, quỹ đầu tư hoặc được hỗ trợ đầu tư từ nguồn kinh phí phù hợp | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng, Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng | % | Phấn đấu đạt 30% |
| 3 | Thanh niên được tư vấn hướng nghiệp và việc làm | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 80% |
| Thanh niên được đào tạo nghề gắn với tạo việc làm, ưu tiên việc làm tại chổ | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 60% |
| Số thanh niên được giải quyết việc làm trong năm | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | Người | 9.000 |
| 4 | Duy trì tỷ lệ thất nghiệp thanh niên thành thị và tỷ lệ thiếu việc làm của thanh niên nông thôn | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | Thành thị dưới 7%, nông thôn dưới 6% |
| 5 | Phấn đấu tỷ lệ thanh niên là người khuyết tật, người nhiễm HIV, người sử dụng ma túy, thanh niên là nạn nhân của tội phạm buôn bán người, thanh niên vi phạm pháp luật được bồi dưỡng kỹ năng sống, lao động và hòa nhập cộng đồng | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 75 |
| Phấn đấu tạo việc làm ổn định cho thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 55 |
| Phấn đấu tạo việc làm ổn định cho thanh niên là người khuyết tật (trong độ tuổi lao động, còn khả năng lao động, có nhu cầu tìm việc làm), người nhiễm HIV, người sau cai nghiện, sau cải tạo, thanh niên là người Việt Nam không có quốc tịch | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 25 |
| **IV** | **Mục tiêu 4. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ cho thanh niên** |  |  |  |  |
| 1 | Tỷ lệ thanh niên là học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục được trang bị kiến thức, kỹ năng rèn luyện thể chất, nâng cao sức khỏe; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, sức khỏe tâm thần; dân số và phát triển; bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; bạo lực gia đình, bạo lực học đường, xâm hại tình dục; HIV/AIDS và các biện pháp phòng, chống HIV/AIDS | Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng | Sở Y tế và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 100 |
| Tỷ lệ thanh niên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được trang bị kiến thức, kỹ năng rèn luyện thể chất, nâng cao sức khỏe; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, sức khỏe tâm thần; dân số và phát triển; bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; bạo lực gia đình, bạo lực học đường, xâm hại tình dục; HIV/AIDS và các biện pháp phòng, chống HIV/AIDS | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng, Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng | Sở Y tế và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 90 |
| Thanh niên được trang bị kiến thức, kỹ năng rèn luyện thể chất, nâng cao sức khỏe; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, sức khỏe tâm thần; dân số và phát triển; bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; bạo lực gia đình, bạo lực học đường, xâm hại tình dục; HIV/AIDS và các biện pháp phòng, chống HIV/AIDS | Sở Y tế | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 75 |
| 2 | Thanh niên được cung cấp thông tin và tiếp cận các dịch vụ thân thiện về tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục | Sở Y tế | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 60 |
| Số cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn | Sở Y tế | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 90 |
| Số nữ thanh niên được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản | Sở Y tế | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 100 |
| 3 | Tỷ lệ thanh niên là học sinh, sinh viên tham gia bảo hiểm y tế và được chăm sóc sức khỏe ban đầu | Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng, Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 100 |
| Tỷ lệ thanh niên công nhân làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được khám sức khỏe và chăm sóc y tế định kỳ | Sở Y tế | Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 90 |
| **V** | **Mục tiêu 5. Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho thanh niên** |  |  |  |  |
| 1 | Tỷ lệ thanh niên ở đô thị được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao; hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở nơi học tập, làm việc và cư trú | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 85 |
| Tỷ lệ thanh niên ở nông thôn được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao; hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở nơi học tập, làm việc và cư trú | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 75 |
| Tỷ lệ thanh niên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao; hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở nơi học tập, làm việc và cư trú | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 60 |
| 2 | Tỷ lệ thanh niên sử dụng thành thạo các phương tiện kĩ thuật số phục vụ mục đích giao tiếp, truyền thông, kinh doanh trên nền tảng kinh tế số | Sở Thông tin và Truyền thông | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 60 |
| **VI** | **Mục tiêu 6. Phát huy vai trò của thanh niên trong tham gia phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ tổ quốc** |  |  |  |  |
| 1 | Thanh niên trong độ tuổi quy định của pháp luật, có đủ năng lực hành vi dân sự sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự và lực lượng dân quân tự vệ | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | % | 100 |
| 2 | Phấn đấu 20% thanh niên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được đưa vào quy hoạch lãnh đạo cấp sở, phòng và tương đương; 15% thanh niên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý | Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố |  | % |  |
| 3 | Tỷ lệ tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam và các tổ chức khác của thanh niên trên địa bàn tỉnh phát động phong trào và huy động thanh niên hưởng ứng, tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, xã hội; phát triển kinh tế - xã hội; khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ môi trường; giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia | Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh |  | % | 100 |

Ghi chú: Số liệu thanh niên toàn tỉnh đến cuối năm 2023 là 19,9% dân số của tỉnh./.